TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 100/2022/QĐST - DS	*C, ngày 18 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 452/2022/TLST - DS, ngày 25 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi" giữa:*

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T1, sinh 1980. Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải trả: Bà Nguyễn Thị T với bà Đặng Thị L tự nguyện thỏa thuận là bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ hụi là 6.300.000đồng *(Sáu triệu ba trăm nghìn đồng),* nợ của dây hụi tháng 500.000đồng khui ngày 15/5/2020dl (dây 02), gồm 29 phần, bà L tham gia 01 phần.

Bà Đặng Thị L thống nhất nhận số tiền này.

- Về thời gian trả: Bà Nguyễn Thị T và bà Đặng Thị L tự nguyện thỏa thuận thời gian bà T trả số tiền 6.300.000đồng *(Sáu triệu ba trăm nghìn đồng)* cho bà L do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 157.500đồng (*Một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Bà Nguyễn Thị T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền này.

Bà Đặng Thị L không phải chịu án phí sơ thẩm. Đối với số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà L đã nộp tại biên lai số AA/2020/0010699 ngày 13 tháng 10 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu được hoàn trả cho bà L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh